TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN P** **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 38/2025/QĐST-HNGĐ	*P, ngày 01 tháng 4 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 55/2025/VDS-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2025 về việc: "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Trần Nguyễn P, sinh năm 1998; địa chỉ: Thôn V, xã P, huyện P, thành phố H.

- Chị Hồ Thị T, sinh năm 1998; địa chỉ: Thôn V, xã P, huyện P, thành phố H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Nguyễn P, chị Hồ Thị T tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, thành phố H vào ngày 02/6/2018. Thời điểm đăng ký có đủ điều kiện kết hôn theo quy định. Vì vậy, có đủ cơ sở để kết luận quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không còn tình cảm, đời sống hôn nhân không hòa hợp. Xét thấy, mâu thuẫn giữa anh Trần Nguyễn P, chị Hồ Thị T đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh Trần Nguyễn P và chị Hồ Thị T.

[2] Về con chung: Anh Trần Nguyễn P và chị Hồ Thị T xác nhận vợ chồng có 02 con chung là cháu Trần Nguyễn Phúc N, sinh ngày 13/12/2018 và cháu Trần Nguyễn Hà M, sinh ngày 31/5/2023. Khi ly hôn, anh P và chị T thỏa thuận

giao con Trần Nguyễn Phúc N cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi; giao cháu Trần Nguyễn Hà M cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi. Hai bên không đóng tiền cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Trần Nguyễn P và chị Hồ Thị T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Anh Trần Nguyễn P, chị Hồ Thị T mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn theo quy định pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 24 tháng 3 năm 2025, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau**:**

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa anh Trần Nguyễn P và chị Hồ Thị T.

- Về con chung: Hai đương sự thống nhất giao con Trần Nguyễn Phúc N cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành, đủ 18 tuổi; giao con Trần Nguyễn Hà M cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành, đủ 18 tuổi. Hai bên không đóng tiền cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh Trần Nguyễn P và chị Hồ Thị T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí dân sự sơ thẩm: Anh Trần Nguyễn P và chị Hồ Thị T mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm mà anh P đã nộp 150.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số: 0002580 và chị T đã nộp là 150.000 đồng theo biên lai thu tiền số: 0002581 ngày 05 tháng 3 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, thành phố H. Anh P, chị T đã nộp đủ, nay không phải nộp.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân

sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND thành phố H;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- UBND xã Ph;
(ĐKKH số: 36, ngày 02/6/2018)
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thúy Hồng